TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
PETROVIETNAM TRANSPORTATION CORPORATION

Số/No.: 798..../VTDK-KHĐT
V/v CBTT Báo cáo tài chính Riêng giữa niên độ đã được soát xét 6T2026 và giải trình biến động LNST.
Re: Disclosure of the Reviewed interim separate financial statements 6M2026 and Explanation of profit after tax fluctuations.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Tp. HCM, ngày 28 tháng 08 năm 2026
HCMC, August 28th, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: **- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**
To: ***- Ho Chi Minh Stock Exchange***

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí/ *PetroVietnam Transportation Corporation*

- Mã chứng khoán/*Stock code*: PVT
- Địa chỉ/*Address*: Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo (Tòa nhà Đạm Phú Mỹ), số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam/ *Floor 2, PVFCCo Tower (Dam Phu My Tower), No. 43 Mac Dinh Chi Street, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam.*
- Điện thoại/*Tel*: (84.28) 39111301 Fax: (84.28) 39111300
- Email: ir@pvtrans.com

2. Nội dung công bố thông tin/ *Content of disclosure*:

Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) đã ban hành Báo cáo tài chính Riêng đã soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 và giải trình biến động lợi nhuận sau thuế./ *PetroVietnam Transportation Corporation (PVTrans) issued the Reviewed interim separate financial statements for the 6-month period ended June 30th, 2026 and Explanation of profit after tax fluctuations.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 28/08/2026 tại đường dẫn *https://www.pvtrans.com./ This information was published on PVTrans' website on August 28th, 2026, at the following link https://www.pvtrans.com*.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. / *We hereby affirm that the information disclosed above is truthful, and we shall take full legal responsibility for the accuracy and integrity of the disclosed content.*

Nơi nhận/Recipients:
- Như trên/As above;
- UBCKNN /SSC
- HĐQT, BKS, TGĐ /BOD, BOS, CEO;
- Lưu VT, KHĐT, Ban TH/Archieved;

Tài liệu đính kèm/Attached documents:
- BCTC Riêng giữa niên độ đã được soát xét/ The reviewed interim separate financial statements;
- Giải trình biến động LNST/ Explanation of profit after tax fluctuations.

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người UQ CBTT
Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
Signed By: Nguyễn Hồng Vân, Date: 28/08/2026 17:30:53

Nguyễn Hồng Vân

Signature Not Verified
KÝ BỞI: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
Ký ngày: 28/8/2026 18:32:06
Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 55/CV-BKHĐT/2026

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
VIETNAM NATIONAL INDUSTRY – ENERGY GROUP
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
PETROVIETNAM TRANSPORTATION CORPORATION

Số/*No.*: 795 - /VTDK-TCKT
V/v/*Re:* Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN của BCTC riêng giữa niên độ đã được soát xét cho Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2026 có sự biến động từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước/*Explanation for profit after CIT of interim separate financial statements for the 6-month period ended 30/6/2026 with fluctuations of 10% or more compared to the same period last year*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Tp. HCM, ngày 28 tháng 8 năm 2026
HCMC, 28 August 2026

Kính gửi: - Uỷ Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE)
To: - *State Securities Commision of Vietnam*
- *Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE)*

Căn cứ theo quy định của Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (với mã Chứng khoán là PVT) giải trình về Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2026 của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí có thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước, chi tiết như sau/*Pursuant to the provisions of Circular 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 regarding guidelines for information disclosure in the securities market, PetroVietnam Transportation Corporation (stock code: PVT) hereby explains for profit after corporate income tax of interim separate financial statement for the 6-month period ended 30/6/2026 of PetroVietnam Transportation Corporation with fluctuations of 10% or more compared to the same period last year, details as follows*:

Stt/ ***No.***	**Chỉ tiêu/** ***Item***	**Năm 2026/** ***Year 2026***	**Năm 2025/** ***Year 2025***	**Chênh lệch/** ***Difference***	**Tỷ lệ/** ***Percentage***
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6/ *Profit after corporate income tax for the 6-month period ended June 30th*	602.324.618.772	322.520.391.375	279.804.227.397	86,76%

⇨ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2026 tăng 86,76% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do lợi nhuận tăng thêm từ các tàu mới đầu tư trong Quý 4 năm 2025 và gia tăng hiệu quả khai thác đội tàu của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí./*Profit after corporate income tax for*

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 17/CV-BTCKT/2026

the 6-month period ended 30/6/2026 increased by 86,76% *compared to the same period last year, mainly due to increased profits from new vessels purchased in Quarter 4 of 2025 and increase in operational efficiency of the fleet of PetroVietnam Transportation Corporation*.

Theo trên là những ý kiến giải trình của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí kính chuyển Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp.HCM xem xét./*The above explanations are hereby submitted by PetroVietnam Transportation Corporation to the State Securities Commission and Ho Chi Minh City Stock Exchange for their consideration.*

Rất mong được sự hỗ trợ và giúp đỡ của Quý Cơ quan./*We look forward to your support and assistance.*

Trân trọng kính chào!/*Best regards!*

TỔNG GIÁM ĐỐC
CHIEF EXECUTIVE OFFICER

Nơi nhận/*Recipients:*
- Như trên/*As above*;
- HĐQT, BKS (để b/c)/*BOD, BOS (to report)*;
- Tổ công bố thông tin (để t/h)/*Information Disclosure Team (to perform)*;
- Lưu/*Archieved*: VT, TCKT(1b)/*Doc, FA(1c)*

M.S.D.N: 0302743192 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Signed By: Nguyễn Thanh Bình, Date: 28/08/2026 15:41:46

Nguyễn Thanh Bình

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 17/CV-BTCKT/2026

Deloitte.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 45

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày phê duyệt báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Việt Anh	Chủ tịch
Ông Lê Mạnh Tuấn	Thành viên
Ông Trương Hồng Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên
Ông Hoàng Đức Chính	Thành viên
Ông Trần Ngọc Nguyên	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2026 và có đơn từ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2026)
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2026)
Bà Nguyễn Thị Thu Hường	Thành viên độc lập
Ông Đoàn Đình Thái	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Ông Cao Trọng Tuấn	Phụ trách Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Nhung	Thành viên
Bà Ngô Thị Thu Linh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Bình	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2026)
Ông Trần Ngọc Nguyên	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2026 và miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2026)
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2026)
Ông Lê Mạnh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (được giao Phụ trách Ban Tổng Giám đốc từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến ngày 02 tháng 8 năm 2026)
Ông Nguyễn Đình Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Viết Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Sĩ Thuận	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Thanh Bình	Từ ngày 03 tháng 8 năm 2026
Ông Lê Mạnh Tuấn	Từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến ngày 02 tháng 8 năm 2026
Ông Trần Ngọc Nguyên	Từ ngày 21 tháng 4 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Đến ngày 20 tháng 4 năm 2026

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0302743192 - C.T.C.P TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 26 tháng 8 năm 2026

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Deloitte.

Chi nhánh Công ty TNHH
Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 18, Tòa nhà Times Square
57-69F Đồng Khởi, Phường Sài Gòn
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Điện thoại: +84 28 710 14555
www.deloitte.com/vn

Số: 0174 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông,**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được phê duyệt ngày 26 tháng 8 năm 2026, từ trang 4 đến trang 45, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

M.S.D.N: 0100112500-002 CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thu Sang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2023-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 26 tháng 8 năm 2026
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Deloitte là tên gọi dùng để chỉ Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL"), hoặc mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu, và các đơn vị liên quan của các hãng thành viên (gọi chung là "Tổ chức Deloitte"). DTTL (hay còn gọi là "Deloitte Toàn cầu") và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan là các pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không chịu trách nhiệm hoặc bị ràng buộc lẫn nhau đối các bên thứ ba. DTTL và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan chỉ chịu trách nhiệm cho các hành vi và thiếu sót của riêng mình, không chịu trách nhiệm cho hành vi hoặc thiếu sót của các n còn lại. DTTL không cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Vui lòng truy cập www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**3.421.271.850.037**	**2.611.353.158.295**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**6**	**489.006.969.172**	**604.916.711.592**
1. Tiền	111		303.794.222.596	202.208.965.016
2. Các khoản tương đương tiền	112		185.212.746.576	402.707.746.576
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**7**	**2.109.419.373.261**	**1.366.144.052.605**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		2.109.419.373.261	1.366.144.052.605
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**683.210.085.261**	**553.083.878.479**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	609.918.653.783	432.891.984.588
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.868.677.912	3.743.628.085
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	9	69.422.753.566	116.448.265.806
IV. Hàng tồn kho	**140**	**10**	**107.101.262.623**	**64.155.694.186**
1. Hàng tồn kho	141		107.101.262.623	64.155.694.186
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**32.534.159.720**	**23.052.821.433**
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	14	32.183.592.467	23.052.821.433
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	17	350.567.253	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**8.129.728.381.268**	**8.562.325.386.056**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**	**9**	**6.825.799.950**	**6.780.969.680**
1. Phải thu dài hạn khác	215		6.825.799.950	6.780.969.680
II. Tài sản cố định	**220**		**5.340.612.095.047**	**5.771.005.389.772**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	5.338.317.044.626	5.769.944.276.738
- Nguyên giá	*222*		*8.242.484.179.899*	*8.241.812.509.899*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(2.904.167.135.273)*	*(2.471.868.233.161)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	2.295.050.421	1.061.113.034
- Nguyên giá	*228*		*9.570.045.941*	*7.928.259.341*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(7.274.995.520)*	*(6.867.146.307)*
III. Tài sản dở dang dài hạn	**250**		**1.204.073.742**	**428.400.000**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		1.204.073.742	428.400.000
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**260**	**13**	**2.658.049.879.714**	**2.658.049.879.714**
1. Đầu tư vào công ty con	261		2.515.112.112.414	2.515.112.112.414
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		97.000.000.000	97.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		45.937.767.300	45.937.767.300
V. Tài sản dài hạn khác	**270**		**123.036.532.815**	**126.060.746.890**
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	14	119.823.332.815	123.538.239.432
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	15	3.213.200.000	2.522.507.458
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	**280**		**11.551.000.231.305**	**11.173.678.544.351**

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**4.281.282.855.175**	**4.440.937.786.993**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**1.756.903.911.256**	**1.551.651.069.674**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	357.571.927.135	288.439.720.463
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.402.846.985	1.137.845.999
3.	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	19	3.515.923.630	3.544.972.030
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	98.291.122.321	45.529.073.523
5.	Phải trả người lao động	315		141.319.707.956	138.645.416.378
6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	18	39.554.048.615	31.031.629.195
7.	Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		26.553.590.816	28.321.462.932
8.	Phải trả ngắn hạn khác	320	20	121.882.708.820	107.549.750.657
9.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	21	608.778.651.618	652.869.495.440
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	22	170.794.437.435	117.215.593.549
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		180.238.945.925	137.366.109.508
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**2.524.378.943.919**	**2.889.286.717.319**
1.	Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		72.229.449.303	79.872.358.305
2.	Phải trả dài hạn khác	338	20	169.883.874.668	169.883.874.668
3.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	21	2.241.861.650.687	2.534.397.315.085
4.	Dự phòng phải trả dài hạn	343	22	40.403.969.261	105.133.169.261
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**	**23**	**7.269.717.376.130**	**6.732.740.757.358**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		5.169.189.380.000	4.699.312.350.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*5.169.189.380.000*	*4.699.312.350.000*
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.444.022.549.284	1.211.327.603.129
3.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		44.843.396.730	44.843.396.730
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		611.662.050.116	777.257.407.499
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	*420a*		*9.337.431.344*	*1.607.586.982*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	*420b*		*602.324.618.772*	*775.649.820.517*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**11.551.000.231.305**	**11.173.678.544.351**

M.S.D.N: 0302743192 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Signed By: Đinh Mai Phương, Date: 27/08/2026 11:14:20
Đinh Mai Phương
Người lập biểu

Signed By: Phạm Quốc Huy, Date: 28/08/2026 08:23:29
Phạm Quốc Huy
Kế toán trưởng

Signed By: Nguyễn Thanh Bình, Date: 28/08/2026 16:06:24
Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Phê duyệt, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**		**2.463.716.320.526**	**1.845.771.151.679**
2.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)**	**10**	**26**	**2.463.716.320.526**	**1.845.771.151.679**
3.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	1.703.353.713.203	1.386.714.348.209
4.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**760.362.607.323**	**459.056.803.470**
5.	Doanh thu hoạt động tài chính	22	29	98.224.637.766	72.411.936.754
6.	Chi phí tài chính	23	30	96.207.189.717	84.483.410.845
	- Trong đó: Chi phí đi vay	*24*		*89.930.183.274*	*67.532.152.527*
7.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	34.177.265.330	43.082.022.327
8.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(22-23)- 26)**	**30**		**728.202.790.042**	**403.903.307.052**
9.	Thu nhập khác	31		19.383.107.528	10.186.364.036
10.	Chi phí khác	32		194.490.753	14.592.904.676
11.	**Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)**	**40**		**19.188.616.775**	**(4.406.540.640)**
12.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**747.391.406.817**	**399.496.766.412**
13.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	145.757.480.587	73.070.468.952
14.	(Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	15	(690.692.542)	3.905.906.085
15.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)**	**60**		**602.324.618.772**	**322.520.391.375**

M.S.D.N: 0302743192 - C.T.C.P. TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Signed By: Đinh Mai Phương, Date: 27/08/2026 11:14:21
Đinh Mai Phương
Người lập biểu

Signed By: Phạm Quốc Huy, Date: 28/08/2026 08:23:27
Phạm Quốc Huy
Kế toán trưởng

Signed By: Nguyễn Thanh Bình, Date: 29/08/2026 16:06:27
Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Phê duyệt, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	***747.391.406.817***	***399.496.766.412***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
	Khấu hao tài sản cố định	02	432.706.751.325	299.852.901.683
	Các khoản dự phòng	03	(11.150.356.114)	5.247.107.526
	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.546.345.749)	3.476.011.579
	Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(84.087.789.922)	(60.680.552.215)
	Chi phí đi vay	06	89.930.183.274	67.532.152.527
	Chi phí lãi trả chậm	07	5.745.881.296	7.873.067.345
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***1.177.989.730.927***	***722.797.454.857***
	Thay đổi các khoản phải thu	09	(180.168.926.230)	55.058.239.626
	Thay đổi hàng tồn kho	10	(42.945.568.437)	25.531.099.070
	Thay đổi các khoản phải trả	11	93.927.675.708	(189.769.850.593)
	Thay đổi chi phí chờ phân bổ	12	(5.415.864.417)	3.745.230.250
	Chi phí đi vay đã trả	14	(93.073.772.792)	(69.605.157.371)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(97.853.732.803)	(53.299.222.857)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(22.475.163.583)	(19.100.092.664)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***829.984.378.373***	***475.357.700.318***
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(2.313.456.600)	(205.303.536)
2.	Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	522.727.272
3.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.928.066.895.687)	(1.381.357.578.771)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.205.000.000.000	1.230.300.000.000
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	113.898.811.108	62.422.611.097
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(611.481.541.179)***	***(88.317.543.938)***

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(336.626.508.220)	(278.279.385.749)
2.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29.048.400)	(127.085.200)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(336.655.556.620)***	***(278.406.470.949)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	***50***	**(118.152.719.426)**	**108.633.685.431**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**604.916.711.592**	**293.230.349.674**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.242.977.006	7.735.653.352
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**	**489.006.969.172**	**409.599.688.457**

Signed By: Đinh Mai Phương, Date: 27/08/2026 11:14:21

Đinh Mai Phương
Người lập biểu

Signed By: Phạm Quốc Huy, Date: 28/08/2026 08:23:26

Phạm Quốc Huy
Kế toán trưởng

M.S.D.N: 0302743192 - C.T.C.P. TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Signed By: Nguyễn Thanh Bình, Date: 28/08/2026 16:06:26

Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Phê duyệt, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302743192 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh) cấp và thay đổi đổi lần thứ 19 ngày 25 tháng 8 năm 2026. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006624 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 5 năm 2007.

Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 12 năm 2007, với mã chứng khoán là "PVT".

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 678 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 678 người).

Nghành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Nghành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh vận tải dầu thô, dầu sản phẩm, hóa chất, hàng khô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con:
- Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội
- Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương
- Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương
- Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam
- Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt

Công ty liên doanh, liên kết:
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC

Chi nhánh phụ thuộc:
- Công ty Dịch vụ Quản lý Tàu (Chi nhánh PSM)
- Công ty Dịch vụ Hàng hải Dầu khí (Chi nhánh OFS)

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Dữ liệu tương ứng trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ là số liệu của báo cáo tình hình tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được soát xét. Một số chỉ tiêu của số liệu so sánh đã được phân loại lại phù hợp với cách trình bày của kỳ này, chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 03.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Tổng Công ty. Vì thế, Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Tổng Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 04 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính/Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"). Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 200.

Công ty đã áp dụng các thay đổi trong hướng dẫn kế toán quy định tại Thông tư 99 cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố. Các thay đổi trong hướng dẫn kế toán quy định tại Thông tư 99 có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày trong các Thuyết minh sau:

- Chi phí chờ phân bổ (Thuyết minh số 4 và số 14);
- Dự phòng phải trả (Thuyết minh số 4 và số 22).

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Một số dữ liệu tương ứng đã được phân loại lại phù hợp với các trình bày của Thông tư 99 như được trình bày dưới đây:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
Các khoản tương đương tiền	112	401.400.000.000	1.307.746.576	402.707.746.576
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	1.343.954.013.655	22.190.038.950	1.366.144.052.605
Phải thu ngắn hạn khác	135	139.946.051.332	(23.497.785.526)	116.448.265.806
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	3.544.972.030	3.544.972.030
Phải trả ngắn hạn khác	320	111.094.722.687	(3.544.972.030)	107.549.750.657

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị và không bị hạn chế sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, lãi nhận sau hoặc lãi nhận định kỳ được ghi nhận vào đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và doanh thu hoạt động tài chính tương ứng với kỳ hưởng lãi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi nếu có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty có khả năng không thu hồi được.

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư và các khoản đầu tư vào hợp đồng hợp tác kinh doanh mà Tổng Công ty không có quyền đồng kiểm soát nhưng được hưởng lợi ích phụ thuộc vào lợi nhuận sau thuế của hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng tổn thất (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư tài chính theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính được trình bày trong báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí thu mua có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Tổng Công ty xác định giá trị hàng xuất kho trên cơ sở số lượng và giá trị hàng tồn kho cuối kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán các sản phẩm đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi hàng tồn kho bị hư hỏng, lỗi thời,kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Phương tiện vận tải	6 - 20
Máy móc, thiết bị	3
Thiết bị văn phòng	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán, trừ khi áp dụng phương pháp tính khác hợp lý hơn. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán, trừ khi áp dụng phương pháp tính khác hợp lý hơn. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái có khả năng hoạt động.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm chi phí thuê tàu, giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng, chi phí mua bảo hiểm và các khoản chi phí chờ phân bổ khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty.

Chi phí thuê tàu thể hiện số tiền thuê tàu. Các chi phí thuê chờ phân bổ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí mua bảo hiểm thể hiện số tiền mua bảo hiểm tàu mà Tổng Công ty đã mua một lần cho nhiều kỳ kế toán, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định được phân bổ tính từ khi tài sản đó được sửa chữa bảo dưỡng hoàn thành, đưa vào sử dụng cho đến lần cần sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ dự kiến theo. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản chi phí chờ phân bổ khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận phản ánh số cổ tức phải trả cho các cổ đông. Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận khi Tổng Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Tổng Công ty đã nhận được nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

Doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ bao gồm các khoản nhận trước về cho thuê tài sản liên quan đến một hay nhiều kỳ kế toán. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chờ phân bổ tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chờ phân bổ sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ kế toán tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Các khoản dự phòng phải trả

Khoản dự phòng phải trả này liên quan đến chi phí sửa chữa định kỳ tàu đã được trích lập theo quy định kế toán áp dụng trong các kỳ trước. Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, Tổng Công ty không tiếp tục trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định từ thời điểm Thông tư có hiệu lực. Đối với số dư đã trích lập nhưng chưa thực hiện sửa chữa tại thời điểm chuyển đổi, Tổng Công ty thực hiện xử lý theo quy định chuyển tiếp; khi phát sinh chi phí sửa chữa thực tế sẽ đối trừ với số đã trích trước, phần chênh lệch được ghi nhận và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo quy định hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vay

Vay được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ đi vay trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tổng Công ty. Các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm/kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản đó vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ được sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được phân bổ theo số lượng cổ phiếu phát hành thành công và không thành công:

- Phần chi phí phân bổ cho cổ phiếu phát hành thành công được bù trừ vào thặng dư vốn.
- Phần chi phí liên quan đến cổ phiếu phát hành không thành công được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thu nhập khác là các khoản thu nhập từ các hoạt động không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu từ các hoạt động chính.

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này, ngoại trừ số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản tiền gửi. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng chắc chắn thu được lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty nhằm mục đích giúp người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

5. CÁC GIẢ ĐỊNH VÀ ƯỚC TÍNH QUAN TRỌNG

Các giả định và ước tính quan trọng liên quan đến tương lai tạo ra sự không chắc chắn trong ước tính tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, có thể dẫn đến rủi ro đáng kể làm điều chỉnh trọng yếu giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả trong kỳ kế toán tiếp theo, được trình bày dưới đây.

Thời gian hữu dụng của tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Chi phí khấu hao được ghi nhận nhằm phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình đó theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét, đánh giá lại vào cuối mỗi kỳ báo cáo. Việc xác định thời gian hữu dụng của tài sản cố định hữu hình đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các xét đoán và ước tính đáng kể. Các ước tính này được xây dựng dựa trên tuổi thọ kỹ thuật dự kiến, tình trạng khai thác thực tế, lịch trình bảo dưỡng và các yêu cầu đăng kiểm (nếu có). Mọi thay đổi trong các ước tính này, được ghi nhận theo phương pháp phi hồi tố.

Mức độ không chắc chắn liên quan đến ước tính thời gian hữu dụng chịu ảnh hưởng bởi những tình hình sử dụng và tình hình khai thác thực tế của tài sản đó.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	**473.364.594**	**723.321.033**
- Văn phòng Tổng Công ty	212.187.919	490.223.202
- Chi nhánh PSM	171.650.133	166.029.122
- Chi nhánh OFS	89.526.542	67.068.709
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	**303.320.858.002**	**201.485.643.983**
- Văn phòng Tổng Công ty	106.637.777.356	85.136.656.239
- Chi nhánh PSM	30.834.210.225	40.076.088.836
- Chi nhánh OFS	165.848.870.421	76.272.898.908
Các khoản tương đương tiền (**)	**185.212.746.576**	**402.707.746.576**
- Văn phòng Tổng Công ty	50.000.000.000	345.000.000.000
- Chi nhánh PSM	5.000.000.000	10.000.000.000
- Chi nhánh OFS	129.000.000.000	46.400.000.000
- Lãi tiền gửi dự thu	1.212.746.576	1.307.746.576
	489.006.969.172	**604.916.711.592**

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

(*) Chi tiết số dư tiền gửi không kỳ hạn theo từng ngân hàng như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	86.779.714.368	55.777.063.329
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	60.532.230.441	9.009.993.394
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	50.735.553.712	40.055.509.893
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	41.504.347.338	22.631.057.066
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	26.455.936.384	27.414.255.686
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	7.066.769.392	21.673.013.350
Các ngân hàng khác	30.246.306.367	24.924.751.265
	303.320.858.002	**201.485.643.983**

(**) Chi tiết các khoản tương đương tiền theo từng ngân hàng như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	114.000.000.000	290.000.000.000
Ngân hàng Cathay United Bank	25.000.000.000	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	25.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	20.000.000.000	36.100.000.000
Các ngân hàng khác	-	50.300.000.000
Lãi dự thu	1.212.746.576	1.307.746.576
	185.212.746.576	**402.707.746.576**

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng là 4,75%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 4,75%/năm).

Tổng Công ty thế chấp một số tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Cathay United Bank – Chi nhánh Hồ Chí Minh và tất cả các khoản tiền bao gồm tiền lãi phát sinh ghi có trên các tài khoản này, để làm tài sản đảm bảo cho các hợp đồng vay tại ngân hàng này (Thuyết minh số 21). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của các tài khoản trên là 13.195.084.682 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 12.659.217.310 đồng).

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

7. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỚI NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a. Các khoản gốc tiền gửi kỳ hạn	***2.067.020.909.342***	-	***1.343.954.013.655***	-
- Văn phòng Tổng Công ty	1.836.300.000.000	-	1.261.300.000.000	-
- Chi nhánh PSM	168.000.000.000	-	80.000.000.000	-
- Chi nhánh OFS	62.720.909.342	-	2.654.013.655	-
b. Lãi tiền gửi dự thu	***42.398.463.919***	-	***22.190.038.950***	-
	2.109.419.373.261	-	**1.366.144.052.605**	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn còn lại dưới mười hai tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng từ 4,2%/năm đến 8,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: từ 4,1%/năm đến 7,0%/năm).

Chi tiết các khoản gốc tiền gửi kỳ hạn và lãi dự thu của các khoản này được trình bày như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a. Các khoản gốc tiền gửi kỳ hạn	***2.067.020.909.342***	-	***1.343.954.013.655***	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	550.000.000.000	-	60.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	405.000.000.000	-	365.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Phương Đông	175.000.000.000	-	225.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	310.000.000.000	-	270.000.000.000	-
- Các ngân hàng khác	627.020.909.342	-	423.954.013.655	-
b. Lãi tiền gửi dự thu	***42.398.463.919***	-	***22.190.038.950***	-
	2.109.419.373.261	-	**1.366.144.052.605**	-

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên thứ ba				
Văn phòng điều hành Idemitsu Gas Production (Vietnam) Co., Ltd tại thành phố Hồ Chí Minh	31.164.419.316	-	32.779.175.956	-
Maersk Tankers A/S (MR Pool)	999.781.172	-	18.533.061.580	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	36.560.662.537	-	28.507.838.621	-
	68.724.863.025	**-**	**79.820.076.157**	**-**
b. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan (Thuyết minh số 35)	541.193.790.758	-	353.071.908.431	-
	609.918.653.783	**-**	**432.891.984.588**	**-**

Tổng Công ty sử dụng các khoản phải thu phát sinh từ hoạt động của tàu PVT Saturn, PVT Aurora và PVT Clara làm tài sản đảm bảo cho các hợp đồng vay dài hạn tại ngân hàng Ngân hàng Cathay United Bank – Chi nhánh Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 21).

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	25.269.388.529	-	75.288.834.684	-
- Phải thu người lao động	4.892.108.807	-	4.992.128.374	
- Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	35.707.051.025	-	26.154.334.965	
- Phải thu khác	3.554.205.205	-	10.012.967.783	-
	69.422.753.566	**-**	**116.448.265.806**	**-**
b. Dài hạn				-
- Đặt cọc, Ký cược, ký quỹ	6.825.799.950	-	6.780.969.680	-
	6.825.799.950	**-**	**6.780.969.680**	**-**
Trong đó:				
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 35)				
Ngắn hạn	24.000.000.000	-	74.016.700.000	-
Dài hạn	108.900.000	-	108.900.000	-
	24.108.900.000	**-**	**74.125.600.000**	**-**

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	715.381.167	-
Nhiên liệu, vật liệu	98.348.066.231	-	53.940.914.650	-
Công cụ, dụng cụ	8.215.128.400	-	9.438.399.869	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	64.623.196	-	-	-
Hàng hoá	473.444.796	-	60.998.500	-
	107.101.262.623	**-**	**64.155.694.186**	**-**

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc thiết bị VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	8.216.721.422.794	17.335.627.685	7.755.459.420	8.241.812.509.899
Tăng trong kỳ	-	671.670.000	-	671.670.000
Phân loại lại	-	444.095.301	(444.095.301)	-
Số dư cuối kỳ	**8.216.721.422.794**	**18.451.392.986**	**7.311.364.119**	**8.242.484.179.899**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	2.450.131.506.600	14.235.689.922	7.501.036.639	2.471.868.233.161
Khấu hao trong kỳ	431.235.752.046	906.553.332	156.596.734	432.298.902.112
Phân loại lại	-	878.177.799	(878.177.799)	-
Số dư cuối kỳ	**2.881.367.258.646**	**16.020.421.053**	**6.779.455.574**	**2.904.167.135.273**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	**5.766.589.916.194**	**3.099.937.763**	**254.422.781**	**5.769.944.276.738**
Tại ngày cuối kỳ	**5.335.354.164.148**	**2.430.971.933**	**531.908.545**	**5.338.317.044.626**

Chi tiết các tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Nguyên giá VND	Giá trị còn lại VND	Nguyên giá VND	Giá trị còn lại VND
Tàu PVT Mercury	1.157.919.007.445	438.896.217.549	1.157.919.007.445	467.834.429.697
Tàu PVT Poseidon	940.401.952.283	867.586.106.669	940.401.952.283	926.361.228.689

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tổng Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải của Tổng Công ty với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 6.128.665.881.884 đồng và 4.412.965.346.463 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 6.128.665.881.884 đồng và 4.750.532.348.908 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh số 21).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá 18.227.706.520 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 17.931.740.072 đồng).

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	7.928.259.341
Tăng trong kỳ	1.641.786.600
Số dư cuối kỳ	**9.570.045.941**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	6.867.146.307
Khấu hao trong kỳ	407.849.213
Số dư cuối kỳ	**7.274.995.520**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu kỳ	**1.061.113.034**
Tại ngày cuối kỳ	**2.295.050.421**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tài sản cố định vô hình bao gồm một số phần mềm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 6.357.384.941 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 5.706.839.487 đồng).

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con				
CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	612.000.000.000	-	612.000.000.000	-
CTCP Vận tải Xăng dầu Phương Nam	405.632.000.000	-	405.632.000.000	-
CTCP Vận tải Nhật Việt	391.486.200.000	-	391.486.200.000	-
CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	338.681.670.000	-	338.681.670.000	-
CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	336.349.000.000	-	336.349.000.000	-
CTCP Hàng hải Thăng Long	230.880.000.000	-	230.880.000.000	-
CTCP Vận tải Dầu khí Hà Nội	107.800.000.000	-	107.800.000.000	-
CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	84.683.242.414	-	84.683.242.414	-
CTCP Vận tải Dầu khí Quãng Ngãi	7.600.000.000	-	7.600.000.000	-
	2.515.112.112.414	**-**	**2.515.112.112.414**	**-**
Đầu tư vào các công ty liên kết				
CTCP Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	97.000.000.000	-	97.000.000.000	-
	97.000.000.000	**-**	**97.000.000.000**	**-**
Đầu tư vào các đơn vị khác				
PV KEEZ Pte. Ltd.	45.937.767.300	-	45.937.767.300	-
	45.937.767.300	**-**	**45.937.767.300**	**-**

Tổng Công ty chưa đánh giá và chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Tầng 3, Tòa nhà Phú Mỹ, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	67.320.000	64,92%	64,92%	Kinh doanh vận tải dầu thô, đào tạo nghề, dịch vụ giới thiệu việc làm, cho thuê phương tiện vận tải, dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, sửa chữa tàu biển, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, lưu giữ hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, bốc xếp hàng hóa, bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, bán buôn chuyên doanh khác, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên, kinh doanh vận tải đa phương quốc tế.
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam (*)	Tầng 6, Tòa nhà Phú Mỹ, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	40.563.200	69,63%	53,75%	Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ đại lý tàu biển, bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ dầu mỏ hóa lỏng LPG tại Thành phố Hồ Chí Minh).
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	151 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh	58.905.000	51,00%	51,00%	Hoạt động chính của Công ty là vận tải hàng hóa ven biển, vận tải hàng hóa viễn dương, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương, hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa; dịch vụ đại lý tàu biển; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
Công ty Cổ phần Vận tài Sản phẩm khí Quốc tế	Tầng 13, Tòa nhà Sofic, số 10 Mai Chí Thọ, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh	45.898.139	67,98%	67,98%	Kinh doanh mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển, dịch vụ: đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề, giáo dục nghề nghiệp, bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng khí và các sản phẩm liên quan, bán buôn chuyên doanh khác.
Công ty Cổ phần Hàng Hải Thăng Long	Tầng 6, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	27.705.600	99,85%	99,85%	Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải, kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; tham gia đào tạo và cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải dầu khí; và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác cho các đối tác trong và ngoài nước, kinh doanh dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải.

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	P806, Tầng 8 Citilight Tower, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh	41.142.328	51,87%	51,87%	Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới và khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, dạy nghề, chuẩn bị mặt bằng.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Tầng 5, Tòa nhà Oriental, Số 324 Tây Sơn, Phường Đống Đa, Hà Nội	18.098.643	50,50%	50,50%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, đồ dùng gia đình và cá nhân, dịch vụ tuyển dụng và cung ứng lao động trong nước, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản, lữ hành nội địa và dịch vụ phục vụ khách du lịch, sản xuất phần mềm tin học, cung cấp dịch vụ giải pháp tin học và mua bán thiết bị tin học.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Tầng 6, Tòa nhà Việt Á, Số 9, Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Hà Nội	8.919.900	54,08%	54,08%	Kinh doanh vận tải bằng tàu biển dưới các hình thức vận chuyển hành khách theo hợp đồng, vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, vận tải hàng hóa, xăng dầu, gas; kinh doanh xăng dầu, khí hóa lỏng; kinh doanh gas: chế tạo, sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng; sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi (**)	Lô CN08, Đường số 6, Khu công nghiệp Tịnh Phong, Xã Thọ Phong, Tỉnh Quảng Ngãi	1.824.000	50,67%	50,67%	Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, đường bộ và đường hàng không; kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách bằng đường bộ (trừ vận tải bằng xe buýt); vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; mua bán và cung ứng vật tư, trang thiết bị phục vụ ngành dầu khí, hàng hải; đại lý bán vé máy bay; dịch vụ kỹ thuật dầu khí; kinh doanh dịch vụ môi giới và cung ứng tàu biển.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, các Công ty con của Tổng Công ty đều hoạt động có lãi.

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty đang sở hữu 40.563.200 cổ phần tại Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Phương Nam ("Phương Nam"), Công ty con, trong đó bao gồm 20.653.200 cổ phần phổ thông và 20.000.000 cổ phần ưu đãi. Theo đó, cổ tức của cổ phần ưu đãi được nhận gấp 1,2 lần so với cổ tức cổ phần phổ thông trong thời gian 03 năm từ khi Phương Nam đầu chia cổ tức. Năm 2025 là năm đầu tiên Phương Nam bắt đầu chi trả cổ tức bằng tiền.

(**) Trong kỳ, Tổng Công ty đã nhận được thêm 304.000 cổ phần từ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi, công ty con, thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu. Theo đó, tổng số cổ phần mà Tổng Công ty nắm giữ đã tăng lên 1.824.000 cổ phần (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 1.520.000 cổ phần)

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501811660 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 4 năm 2011. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 200 tỷ đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty đã góp 97 tỷ đồng, tương ứng với 48,5% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của công ty này là dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí.

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư khác của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty đã đầu tư số tiền 2.389.343 Đô la Mỹ vào Công ty PV KEEZ Pte. Ltd. (thành lập tại Singapore) tương đương với 2.389.343 cổ phần ưu đãi cổ tức hưởng mức cổ tức cố định 8%/năm.

14. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí thuê tàu	8.671.097.400	9.076.979.613
Chi phí bảo hiểm	11.776.798.344	8.692.621.725
Các khoản chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	11.735.696.723	5.283.220.095
	32.183.592.467	**23.052.821.433**
b. Dài hạn		
Chi phí thuê tàu (*)	87.540.105.578	95.196.562.718
Chi phí sửa chữa tàu	31.027.288.167	27.519.950.932
Các khoản chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	1.255.939.070	821.725.782
	119.823.332.815	**123.538.239.432**

(*) Chi phí thuê tàu chờ phân bổ thể hiện chi phí trả trước tiền thuê tàu Morning Kate, PVT Diamond, Morning Jane với kỳ hạn thuê từ bảy năm đến mười năm.

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	Dự phòng VND	Chi phí trích trước VND	Khác VND	Tổng VND
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025				
Số dư đầu kỳ trước	**5.010.527.925**	**5.770.100**	**(916.666.626)**	**4.099.631.399**
Ghi nhận/(hoàn nhập) vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	(4.816.802.611)	(5.770.100)	916.666.626	(3.905.906.085)
Số dư cuối kỳtrước	**193.725.314**	**-**	**-**	**193.725.314**
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026				
Số dư đầu kỳ này	**3.213.200.000**	**-**	**(690.692.542)**	**2.522.507.458**
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	-	-	690.692.542	690.692.542
Số dư cuối kỳ này	**3.213.200.000**	**-**	**-**	**3.213.200.000**

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
- Phải trả cho các đối tượng khác	72.673.590.599	51.528.002.804
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	284.898.336.536	236.911.717.659
	357.571.927.135	**288.439.720.463**

Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư trả người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 31 tháng 12 năm 2025.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	13.760.082.222	73.304.426.832	72.107.410.052	14.957.099.002
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	6.852.288	6.852.288	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	11.172.208	11.172.208	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.170.366.786	145.757.480.587	97.853.732.803	76.074.114.570
Thuế thu nhập cá nhân	3.495.619.490	12.561.626.601	9.156.650.260	6.900.595.831
Thuế nhà thầu	103.005.025	390.972.716	485.232.076	8.745.665
Các loại thuế và phí khác	-	104.525	104.525	-
	45.529.073.523	**231.808.533.297**	**179.621.154.212**	**97.940.555.068**
Trong đó:				
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-			*350.567.253*
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	*45.529.073.523*			*98.291.122.321*

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí lãi vay	21.608.083.001	24.751.672.519
Lãi trả chậm	7.426.263.838	1.680.382.542
Chi phí hoạt động của tàu	4.447.571.282	3.484.757.560
Chi phí khác	6.072.130.494	1.114.816.574
	39.554.048.615	**31.031.629.195**

19. PHẢI TRẢ VỀ CỔ TỨC

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, khoản phải trả về cổ tức thể hiện các khoản cổ tức phải trả phát sinh từ năm 2025 trở về trước nhưng chưa thực hiện chi trả cho cổ đông.

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	1.030.658.592	895.460.293
Bảo hiểm xã hội	2.615.402.665	214.017.360
Bảo hiểm y tế	424.503.853	5.276.203
Bảo hiểm thất nghiệp	288.298.125	1.367.040
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.593.719.008	4.119.083.542
Phải trả tiền mua tàu vận tải từ PVN (*)	77.556.117.333	77.556.117.333
Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.374.009.244	24.758.428.886
	121.882.708.820	**107.549.750.657**
b. Dài hạn		
Phải trả tiền mua tàu vận tải từ PVN (*)	155.112.234.668	155.112.234.668
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	14.771.640.000	14.771.640.000
	169.883.874.668	**169.883.874.668**
c. Phải trả khác là các bên liên quan (Thuyết minh số 35)		
Ngắn hạn	108.157.172.801	93.609.294.165
Dài hạn	169.883.874.668	169.883.874.668
	278.041.047.469	**263.493.168.833**

(*) Phải trả tiền mua tàu vận tải từ PVN thể hiện khoản tiền mua tàu vận tải dầu thô trọng tải 104.000 DWT từ Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam với lãi suất 5%/năm. Khoản phải trả dài hạn khác được hoàn trả theo lịch sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	77.556.117.333	77.556.117.333
Trong năm thứ hai	77.556.117.333	77.556.117.333
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	77.556.117.335	77.556.117.335
	232.668.352.001	**232.668.352.001**
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần phải thu ngắn hạn khác)	(77.556.117.335)	(77.556.117.335)
Số phải trả sau 12 tháng	**155.112.234.666**	**155.112.234.666**

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

21. VAY

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phân loại vay dài hạn đến hạn trả	Thanh toán	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
Ngân hàng Đại Chúng TNHH Kasikornbank	10.505.271.000	10.505.271.000	-	(10.505.271.000)	-	-
Ngân hàng Cathay United Bank	29.634.750.000	29.634.750.000	-	(19.756.500.000)	9.878.250.000	9.878.250.000
	40.140.021.000	**40.140.021.000**	**-**	**(30.261.771.000)**	**9.878.250.000**	**9.878.250.000**
b. Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	53.385.760.000	53.385.760.000	26.692.880.000	(26.692.880.000)	53.385.760.000	53.385.760.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	58.460.000.000	58.460.000.000	29.230.000.000	(29.230.000.000)	58.460.000.000	58.460.000.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	111.990.600.000	111.990.600.000	55.995.300.000	(55.995.300.000)	111.990.600.000	111.990.600.000
Ngân hàng Cathay United Bank	99.709.728.892	99.709.728.892	36.025.791.620	(49.854.864.442)	85.880.656.074	85.880.656.070
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	209.680.000.000	209.680.000.000	104.840.000.000	(104.840.000.000)	209.680.000.000	209.680.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	26.140.192.100	26.140.192.100	13.070.096.050	(13.070.096.050)	26.140.192.100	26.140.192.100
Ngân hàng Đại Chúng TNHH Kasikornbank	40.823.370.000	40.823.370.000	20.141.685.000	(20.141.685.000)	40.283.370.000	40.283.370.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	13.079.823.448	13.079.823.448	6.539.911.724	(6.539.911.724)	13.079.823.448	13.079.823.448
	612.729.474.440	**612.729.474.440**	**292.535.664.398**	**(306.364.737.216)**	**598.900.401.622**	**598.900.401.618**

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay bằng Việt Nam đồng để tái cấu trúc các khoản vay dài hạn dùng để mua tàu PVT Aurora và PVT Azura trước đó. Khoản vay tại Ngân hàng Cathay United Bank - Chi nhánh Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng các tài khoản thanh toán tại ngân hàng này (Thuyết minh số 6) và khoản phải thu phát sinh từ hoạt động của tàu PVT Aurora (Thuyết minh số 8). Khoản vay tại Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank – Chi nhánh Hồ Chí Minh không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay nêu trên chịu lãi suất lãi tiền vay từ 5,68%/năm đến 5,70%/năm.

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phân loại vay dài hạn đến hạn trả	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
c. Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	213.543.059.000	213.543.059.000	(26.692.880.000)	-	186.850.179.000	186.850.179.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	233.840.000.000	233.840.000.000	(29.230.000.000)	-	204.610.000.000	204.610.000.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	559.953.000.000	559.953.000.000	(55.995.300.000)	-	503.957.700.000	503.957.700.000
Ngân hàng Cathay United Bank	36.025.791.624	36.025.791.624	(36.025.791.624)	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.258.262.840.000	1.258.262.840.000	(104.840.000.000)	-	1.153.422.840.000	1.153.422.840.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	52.280.384.201	52.280.384.201	(13.070.096.050)	-	39.210.288.151	39.210.288.151
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	29.429.602.760	29.429.602.760	(6.539.911.724)	-	22.889.691.036	22.889.691.036
Ngân hàng Đại Chúng TNHH Kasikornbank	151.062.637.500	151.062.637.500	(20.141.685.000)	-	130.920.952.500	130.920.952.500
	2.534.397.315.085	**2.534.397.315.085**	**(292.535.664.398)**	**-**	**2.241.861.650.687**	**2.241.861.650.687**

Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư nợ vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Tổng Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn bằng Việt Nam đồng với các ngân hàng thương mại để mua tàu và để tái cấu trúc các khoản vay dài hạn dùng để mua tàu trước đó. Các khoản vay dùng để mua tàu được đảm bảo bằng các phương tiện vận tải của Tổng Công ty (Thuyết minh số 11) và quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng mua tàu PVT Poseidon, PVT Nova và PVT Lyra. Các khoản vay tái cấu trúc liên quan đến tàu PVT Pearl được đảm bảo bằng tàu PVT Pearl. Các khoản vay tái cấu trúc liên quan đến tàu PVT Saturn và PVT Clara được đảm bảo bằng các tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Cathay United Bank - Chi nhánh Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 6) và khoản phải thu phát sinh từ hoạt động của tàu PVT Saturn và PVT Clara (Thuyết minh số 8).

Các khoản vay dài hạn nêu trên chịu lãi suất lãi tiền vay từ 4,53%/năm đến 7,7%/năm (năm 2025 là từ 3,98%/năm đến 7,5%/năm).

Các khoản vay dài hạn và bảo lãnh được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	598.900.401.618	612.729.474.440
Trong năm thứ hai	513.019.745.548	549.045.537.174
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.358.143.765.139	1.453.818.337.911
Sau năm năm	370.698.140.000	531.533.440.000
	2.840.762.052.305	**3.147.126.789.525**
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(598.900.401.618)	(612.729.474.440)
Số phải trả sau 12 tháng	**2.241.861.650.687**	**2.534.397.315.085**

22. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND
Số dư đầu năm	**222.348.762.810**
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(11.150.356.114)
Số dư cuối năm	**211.198.406.696**

Chi tiết các khoản dự phòng phải trả:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn	170.794.437.435	117.215.593.549
Dự phòng phải trả dài hạn	40.403.969.261	105.133.169.261
	211.198.406.696	**222.348.762.810**

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	516.918.938	5.169.189.380.000	469.931.235	4.699.312.350.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	516.918.938	5.169.189.380.000	469.931.235	4.699.312.350.000

Cổ phần	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng + Cổ phần phổ thông	516.918.938	469.931.235
Số lượng cổ phần đang lưu hành + Cổ phần phổ thông	516.918.938	469.931.235

Cổ phần phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Chi tiết các cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	%	Số đầu kỳ VND	%
Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	2.636.442.000.000	51	2.396.765.460.000	51

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Số dư đầu kỳ trước	**3.560.126.380.000**	**1.041.008.230.336**	**44.843.396.730**	**1.348.683.379.656**	**5.994.661.386.722**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	322.520.391.375	322.520.391.375
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	170.319.372.793	-	(170.319.372.793)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(31.308.708.234)	(31.308.708.234)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(6.261.741.647)	(6.261.741.647)
Công bố chia cổ tức	1.139.185.970.000	-	-	(1.139.185.970.000)	-
Số dư cuối kỳ trước	**4.699.312.350.000**	**1.211.327.603.129**	**44.843.396.730**	**324.127.978.357**	**6.279.611.328.216**
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026					
Số dư đầu kỳ này	**4.699.312.350.000**	**1.211.327.603.129**	**44.843.396.730**	**777.257.407.499**	**6.732.740.757.358**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	602.324.618.772	602.324.618.772
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	232.694.946.155	-	(232.694.946.155)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(61.543.000.000)	(61.543.000.000)
Trích quỹ thưởng Người quản lý (*)	-	-	-	(3.805.000.000)	(3.805.000.000)
Công bố chia cổ tức (**)	469.877.030.000	-	-	(469.877.030.000)	-
Số dư cuối kỳ này	**5.169.189.380.000**	**1.444.022.549.284**	**44.843.396.730**	**611.662.050.116**	**7.269.717.376.130**

(*) Số trích lập các quỹ trong kỳ bao gồm số trích lập bổ sung quỹ đầu tư và phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Người quản lý của Tổng Công ty với số tiền lần lượt là 232.694.946.155 đồng, 61.543.000.000 đồng và 3.805.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2026/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026.

(**) Trong kỳ, Tổng Công ty đã thực hiện phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế của năm 2025 theo tỷ lệ 10% vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 469.877.030.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2026/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty đã nhận được sự chấp thuận của Sở Giao Dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và hoàn tất việc niêm yết bổ sung số lượng cổ phần phát hành thêm và đang làm các thủ tục để cập nhật Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp .

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành bốn bộ phận hoạt động: Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh dịch vụ hàng hải dầu khí, Bộ phận dịch vụ thương mại và Bộ phận dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải: kinh doanh vận tải bằng tàu;
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ kho nổi: cung cấp kho nổi, quản lý và cung cấp các dịch vụ liên quan đến kho nổi cho mỏ dầu;
- Bộ phận kinh doanh thương mại: kinh doanh mua bán hàng hóa, trang thiết bị liên quan đến dầu khí;
- Bộ phận dịch vụ khác: cung cấp dịch vụ quản lý tàu biển, cung ứng và quản lý nguồn lao động và các dịch vụ khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ

Số cuối kỳ

Chỉ tiêu	Dịch vụ vận tải	Dịch vụ kho nổi	Thương mại	Dịch vụ khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	8.196.874.753.343	82.418.490.325	-	45.529.031.639	8.324.822.275.307
Tài sản không phân bổ					3.226.177.955.998
Tổng tài sản					**11.551.000.231.305**
Nợ phải trả bộ phận	4.054.465.236.212	41.500.461.864	-	66.641.626.736	4.162.607.324.812
Nợ phải trả không phân bổ					118.675.530.363
Tổng nợ phải trả					**4.281.282.855.175**

Số đầu kỳ

Chỉ tiêu	Dịch vụ vận tải	Dịch vụ kho nổi	Thương mại	Dịch vụ khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	8.124.300.980.449	91.959.234.621	60.998.500	39.174.706.115	8.255.495.919.685
Tài sản không phân bổ					2.918.182.624.666
Tổng tài sản					**11.173.678.544.351**
Nợ phải trả bộ phận	4.208.932.894.407	93.180.660.848	-	85.097.572.536	4.387.211.127.791
Nợ phải trả không phân bổ					53.726.659.202
Tổng nợ phải trả					**4.440.937.786.993**

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ

Kỳ này

Chỉ tiêu	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.136.906.958.495	282.148.804.407	15.594.694.012	29.065.863.612	2.463.716.320.526
Tổng doanh thu	2.136.906.958.495	282.148.804.407	15.594.694.012	29.065.863.612	2.463.716.320.526
Giá vốn					
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	1.428.569.153.316	239.165.391.148	14.076.505.120	21.542.663.619	1.703.353.713.203
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả hoạt động kinh doanh	708.337.805.179	42.983.413.259	1.518.188.892	7.523.199.993	760.362.607.323
Chi phí không phân bổ					(34.177.265.330)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					726.185.341.993
Doanh thu hoạt động tài chính					98.224.637.766
Lợi nhuận khác					19.188.616.775
Chi phí tài chính					(96.207.189.717)
Lợi nhuận trước thuế					747.391.406.817
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(145.757.480.587)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					690.692.542
Lợi nhuận trong năm					602.324.618.772
Thông tin khác					
Khấu hao					432.706.751.325

Kỳ trước

Chỉ tiêu	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.469.711.919.346	303.065.419.647	53.979.449.385	19.014.363.301	1.845.771.151.679
Tổng doanh thu	1.469.711.919.346	303.065.419.647	53.979.449.385	19.014.363.301	1.845.771.151.679
Giá vốn					
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	1.108.178.040.900	209.889.347.170	52.718.778.616	15.928.181.523	1.386.714.348.209
Tổng giá vốn	1.108.178.040.900	209.889.347.170	52.718.778.616	15.928.181.523	1.386.714.348.209
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả hoạt động kinh doanh	361.533.878.446	93.176.072.477	1.260.670.769	3.086.181.778	459.056.803.470
Chi phí không phân bổ					(43.082.022.327)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					415.974.781.143
Doanh thu hoạt động tài chính					72.411.936.754
Lợi nhuận khác					(4.406.540.640)
Chi phí tài chính					(84.483.410.845)
Lợi nhuận trước thuế					399.496.766.412
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(73.070.468.952)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(3.905.906.085)
Lợi nhuận trong năm					322.520.391.375
Thông tin khác					
Khấu hao					299.852.901.683

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải dầu thô, các sản phẩm từ dầu, dịch vụ kho nổi và dịch vụ thương mại. Doanh thu từ dịch vụ hàng hải dầu khí và dịch vụ thương mại toàn bộ được thực hiện ở Việt Nam, trong khi doanh thu vận tải được thực hiện ở cả Việt Nam (chủ yếu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất, kho cảng Thị Vải đến các địa phương) và quốc tế (vận chuyển tại khu vực Châu Á).

Chi tiết doanh thu vận tải theo khu vực địa lý như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu vận tải		
Vận tải nội địa	1.422.113.009.605	1.230.559.365.370
Vận tải quốc tế	714.793.948.890	239.152.553.976
	2.136.906.958.495	**1.469.711.919.346**
Giá vốn vận tải		
Vận tải nội địa	981.412.791.536	886.368.701.719
Vận tải quốc tế	447.156.361.780	221.809.339.181
	1.428.569.153.316	**1.108.178.040.900**

Do đặc thù kinh doanh vận tải bằng tàu biển, tuyến khai thác có thể bao gồm cả tuyến nội địa và tuyến quốc tế nên Tổng Công ty không tách được tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không tách và trình bày tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Đô la Mỹ ("USD")	9.431.612	4.864.689
- Euro ("EUR")	275	280

26. DOANH THU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Dịch vụ vận tải	2.136.906.958.495	1.469.711.919.346
Dịch vụ kho nổi	282.148.804.407	303.065.419.647
Thương mại	15.594.694.012	53.979.449.385
Dịch vụ khác	29.065.863.612	19.014.363.301
	2.463.716.320.526	**1.845.771.151.679**

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Dịch vụ vận tải	1.428.569.153.316	1.108.178.040.900
Dịch vụ kho nổi	239.165.391.148	209.889.347.170
Thương mại	14.076.505.120	52.718.778.616
Dịch vụ khác	21.542.663.619	15.928.181.523
	1.703.353.713.203	**1.386.714.348.209**

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	317.220.628.527	289.460.372.068
Chi phí nhân công	219.303.066.173	144.719.531.656
Chi phí khấu hao tài sản cố định	432.706.751.325	299.852.901.683
Chi phí dịch vụ mua ngoài	724.312.618.886	649.937.690.412
Chi phí khác bằng tiền	43.987.913.622	45.825.874.717
	1.737.530.978.533	**1.429.796.370.536**

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.931.267.065	21.874.113.566
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	62.156.522.857	38.283.711.377
Lãi chênh lệch tỷ giá	14.136.847.844	12.254.111.811
	98.224.637.766	**72.411.936.754**

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	89.930.183.274	67.532.152.527
Lãi trả chậm	5.745.881.296	7.873.067.345
Lỗ chênh lệch tỷ giá	478.260.198	9.073.492.457
Chi phí tài chính khác	52.864.949	4.698.516
	96.207.189.717	**84.483.410.845**

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lương và các khoản phúc lợi khác	7.164.159.782	10.561.613.631
Chi phí mua ngoài	13.124.936.307	15.220.547.376
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.888.169.241	17.299.861.320
	34.177.265.330	**43.082.022.327**

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	747.391.406.817	399.496.766.412
Trừ: Cổ tức được chia	*(19.400.000.000)*	*(19.400.000.000)*
Trừ các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	*(55.129.757.615)*	*(55.849.257.196)*
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	*194.517.898*	*4.097.803.306*
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	**673.056.167.100**	**328.345.312.522**
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	134.611.233.420	65.669.062.504
Bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	11.146.247.167	7.401.406.448
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**145.757.480.587**	**73.070.468.952**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng công ty là bên đi thuê:

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	417.726.051.600	418.455.153.097
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.041.589.610.646	1.134.415.611.200
Sau năm năm	863.859.581.676	944.183.228.900
	2.323.175.243.922	**2.497.053.993.197**

Cam kết thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng và thuê xe của Tổng Công ty được ký với thời hạn từ 1 đến 3 năm, hợp đồng thuê tàu với thời hạn từ 6 đến 10 năm, và thuê kho nổi với thời gian là 10 năm. Theo Biên bản họp ngày 03 tháng 6 năm 2025 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương, công ty con, các bên đã thống nhất về việc điều chỉnh giá cước và gia hạn hợp đồng thuê kho nổi FSO Đại Hùng Queen đến ngày 31 tháng 12 năm 2036. Cam kết đi thuê hoạt động đang được tính theo thời hạn và đơn giá mới này. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn tất thủ tục để ký phụ lục hợp đồng thuê này.

Tổng Công ty là bên cho thuê:

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	1.037.561.674.640	1.055.628.235.306
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.062.952.407.060	3.461.239.090.782
Sau năm năm	1.687.349.131.860	2.165.867.623.784
	5.787.863.213.560	**6.682.734.949.872**

Cam kết cho thuê hoạt động thể hiện các hợp đồng cho thuê tàu và cho thuê kho nổi với thời hạn thuê từ 5 đến 15 năm.

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

34. CAM KẾT VỐN

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2026/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026, Tổng Công ty được phê duyệt kế hoạch đầu tư trong năm 2026 bao gồm đầu tư tàu với số tiền 3.445 tỷ đồng, đầu tư mua sắm tài sản cố định khác 31 tỷ đồng và đầu tư tài chính với số tiền 382 tỷ đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tổng Công ty chưa có quyết định của Hội đồng Quản trị cũng như chưa phát sinh bất kỳ giao dịch mua bán nào liên quan đến đầu tư tài sản cố định và đầu tư tài chính.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam ("PVN")	Công ty mẹ tối cao
Trường Cao đẳng Dầu khí	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty liên kết
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Công ty con của PVN
Công ty cổ phần - Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn)	Công ty con của PVN
Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo (trước đây là Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí)	Chi nhánh của Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (Công ty con của PVN)
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Công ty con của PVN
Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro	Công ty liên doanh của PVN
Công ty Cổ phần Đào tạo và Giải pháp Công nghiệp PVD (trước đây là Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD)	Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (Công ty con của PVN)
Chi nhánh Thăm dò Khai thác Dầu khí Nam Côn Sơn - Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu Khí	Chi nhánh của Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Công ty con của PVN)
Chi nhánh Điều hành Dầu khí Cửu Long - Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu Khí	Chi nhánh của Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Công ty con của PVN)
Chi nhánh Điều hành Dầu khí Khánh Mỹ - Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu Khí	Chi nhánh của Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Công ty con của PVN)
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam (Công ty con của PVN)
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam (Công ty con của PVN)
Công ty TNHH khách sạn Dầu khí PTSC	Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (Công ty con của PVN)

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Dịch vụ cung cấp		
Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Lọc hóa Dầu Việt Nam	841.455.433.728	672.571.828.856
Chi nhánh Thăm dò Khai thác Dầu khí Nam Côn Sơn - Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu Khí	205.653.435.660	231.379.917.455
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	247.936.663.212	203.676.831.320
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	153.501.207.900	175.985.439.434
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	88.782.240.857	87.391.206.156
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	67.390.532.260	69.471.340.415
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	13.962.297.667	13.422.182.506
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	2.141.986.801	5.094.543.122
Chi nhánh Điều hành Dầu khí Cửu Long - Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu Khí	3.688.312.524	-
Chi nhánh Điều hành Dầu khí Khánh Mỹ - Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu Khí	71.515.068	-
	1.624.583.625.677	**1.458.993.289.264**
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	555.402.707.619	448.361.937.486
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	245.108.236.017	203.654.528.143
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	4.598.962.367	3.800.997.426
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	3.025.907.969	2.653.730.607
Công ty Cổ phần Đào tạo và Giải pháp Công nghiệp PVD	1.077.392.843	1.249.823.329
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	929.340.721	847.154.729
Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo	348.721.341	417.506.494
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	126.973.328	498.524.038
Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro	341.336.400	309.629.900
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	138.634.564	112.906.673
Trường Cao đẳng Dầu khí	627.200.000	161.460.000
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	5.197.500	1.270.500
	811.730.610.669	**662.069.469.325**
Thu nhập tài chính (lãi tiền gởi ngân hàng)		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	13.210.695.868	9.793.233.665
Chi phí lãi vay và lãi trả chậm		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	1.901.590.058	3.102.809.413
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	5.745.881.296	7.873.067.345
	7.647.471.354	**10.975.876.758**
Cổ tức đã nhận trong kỳ		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	19.400.000.000	19.400.000.000
	19.400.000.000	**19.400.000.000**
Thu nhập khác		
Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Lọc hóa Dầu Việt Nam	-	8.440.296.608

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Phạm Việt Anh	Chủ tịch	2.281.277.424	775.420.000
Ông Trần Ngọc Nguyên	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	366.254.546	-
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	998.191.464	637.355.000
Ông Trương Hồng Sơn	Thành viên	870.865.357	41.900.714
Ông Lê Mạnh Tuấn	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám Đốc	1.241.889.941	615.575.000
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.249.220.667	656.920.000
Ông Hoàng Đức Chính	Thành viên	27.272.727	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hường	Thành viên	180.000.000	120.000.000
Ông Đoàn Đình Thái	Thành viên	180.000.000	120.000.000
Bà Nguyễn Linh Giang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2025)	425.013.239	586.239.286
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Quốc Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	1.111.089.941	570.920.000
Ông Hồ Sĩ Thuận	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Viết Long	Phó Tổng Giám đốc	903.018.953	620.595.000
Kế toán trưởng			
Ông Phạm Quốc Huy	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2026	158.382.293	-
Ông Đỗ Đức Hùng	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2026	820.700.881	427.258.080
Ban Kiểm soát			
Ông Cao Trọng Tuấn	Phụ trách Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2025)	420.663.747	24.230.429
Bà Nguyễn Thị Nhung	Thành viên	90.000.000	54.000.000
Bà Ngô Thị Thu Linh	Thành viên	90.000.000	54.000.000
Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng ban (Đã miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2025)	232.154.419	438.396.223

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	7.066.769.392	21.673.013.349
Các khoản tương đương tiền		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	10.040.342.466
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Tiền gốc)	310.000.000.000	270.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Lãi dự thu)	4.560.000.000	2.728.219.178
	314.560.000.000	**272.728.219.178**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Lọc hóa Dầu Việt Nam	334.795.773.254	201.418.950.761
Chi nhánh Thăm dò Khai thác Dầu khí Nam Côn Sơn - Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu Khí	77.073.534.720	84.945.876.170
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	57.920.379.816	41.556.218.063
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	15.040.854.504	6.468.316.394
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	25.254.997.749	12.858.899.979
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	28.674.231.826	4.835.171.233
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	278.740.439	610.522.502
Chi nhánh Điều hành Dầu khí Cửu Long - Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu Khí	2.078.042.177	377.953.329
Chi nhánh Điều hành Dầu khí Khánh Mỹ - Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu Khí	77.236.273	-
	541.193.790.758	**353.071.908.431**
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	24.000.000.000	44.563.200.000
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	-	29.452.500.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	-	1.000.000
	24.000.000.000	**74.016.700.000**
Phải thu dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	108.900.000	108.900.000
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	225.373.589.378	173.376.570.241
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	57.638.536.066	60.250.189.933
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	-	9.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	606.295.299	1.061.010.436
Công ty Cổ phần Đào tạo và Giải pháp Công nghiệp PVD	167.644.612	466.101.991
Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo	-	218.407.960
Công Ty Cổ Phần Hàng hải Thăng Long	79.403.380	162.936.978
Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro	39.639.700	269.029.700
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	454.698.341	222.901.620
Trường Cao đẳng Dầu khí	191.400.000	9.100.000
Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Lọc hóa Dầu Việt Nam	1.000.000	1.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	-	865.468.800
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP	346.129.760	-
	284.898.336.536	**236.911.717.659**

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	-	18.757.020
Phải trả ngắn hạn khác		
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	77.556.117.333	77.556.117.333
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	26.767.036.634	11.372.563.924
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	3.816.885.501	4.663.479.575
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	10.833.333	10.833.333
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	6.300.000	6.300.000
	108.157.172.801	**93.609.294.165**
Phải trả dài hạn khác		
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	155.112.234.668	155.112.234.668
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	14.771.640.000	14.771.640.000
	169.883.874.668	**169.883.874.668**
Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	14.882.485.620	15.112.615.080
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	8.316.347.086	8.316.347.086
	23.198.832.706	**23.428.962.166**
Doanh thu chờ phân bổ dài hạn		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	69.540.143.334	75.548.243.334
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	2.689.305.969	4.324.114.971
	72.229.449.303	**79.872.358.305**
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	65.350.480.251	78.420.576.301
	65.350.480.251	**78.420.576.301**
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	7.426.263.838	1.680.382.542
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	620.284.975	742.490.373
	8.046.548.813	**2.422.872.915**

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tiền chi trả lãi vay và lãi trả chậm trong kỳ không bao gồm số tiền 29.034.346.889 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 26.432.055.061 đồng), là khoản lãi vay và lãi trả chậm phát sinh trong kỳ nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 68.880.599.024 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 98.786.620.210 đồng), là số lãi tiền gửi và cổ tức được chia trong kỳ và các năm trước nhưng chưa thu được tiền. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông trong kỳ không bao gồm số tiền 3.515.923.630 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 3.544.972.030 đồng), là khoản cổ tức, lợi nhuận phải trả bằng tiền phát sinh trong kỳ và các năm trước nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định không bao gồm số tiền 232.668.352.001 đồng là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong các năm trước mà chưa được thanh toán.

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026

37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty.

Signed By: Đinh Mai Phương, Date: 27/08/2026 11:14:22	Signed By: Phạm Quốc Huy, Date: 28/08/2026 08:23:30	Signed By: Nguyễn Thanh Bình, Date: 28/08/2026 16:06:28
Đinh Mai Phương	**Phạm Quốc Huy**	**Nguyễn Thanh Bình**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Người đại diện theo pháp luật
		Phê duyệt, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Văn bản được tải lên hệ thống portal.pvtrans.com. Với số định danh: 16/BC-BTCKT/2026